TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2022/QĐST-HNGĐ	*Mang Thít, ngày 24 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:127/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa:

* ***Nguyên đơn***: **Ông Nguyễn Thành P**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lôi Thị D1 – Văn phòng luật sư X – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 261B, đường PH, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Bà Dương Thị Tuyết D**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện trú tại: ấp T3, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thành P và bị đơn bà Dương Thị Tuyết D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Con chung:* Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2002 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hiện các con chung đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận*:

+ Giao cho ông P hưởng các tài sản gồm 01 cái bàn bida, 01 xe Super Dream, biển kiểm soát 64K – 8658 do ông Nguyễn Thành P đứng tên; 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu cột bê tông, cốt thép, vách tole xi măng, nền lót gạch tàu và gạch bông, mái lợp tole lạnh cất năm 2015 nhờ trên thửa đất số 57 tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện M của ông Nguyễn Văn L.

+ Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.000m^2, loại đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Thành P đứng tên năm 2015 đến ngày 29/3/2021 đã chuyển cho ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-*Nợ chung*: Các đương sự đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành P phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^{o} 0006903 ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, còn lại 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) ông P phải nộp thêm.

Bị đơn bà Dương Thị Tuyết D phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung 2014.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TAT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THA.DS huyện M;
- UBND xã T2,
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Võ Thị Tám